

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2005/QĐ-BGD&ĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2005 ban hành kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 166/2004/NĐ-CP ngày 16/9/2004 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2005 ban hành kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận trường mầm non nông thôn, trường mầm non thành thị đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

2. Mục gạch đầu dòng thứ 3 của khoản 2 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện chủ trì tổ chức lễ công nhận cho các trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia”.

3. Điểm b khoản 3 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b. Hội đồng cấp tỉnh thẩm định kết quả kiểm tra của Hội đồng cấp huyện theo quy định của Quy chế này và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Bằng công nhận và biểu trưng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục kèm theo)”.

4. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Tên của Điều 18 sửa đổi, bổ sung thành: “Trách nhiệm của các cấp Chính quyền và Sở Giáo dục và Đào tạo”.

b) Bỏ khoản 1, điểm b và c.

c) Chuyển điểm d thành khoản 1 như sau:

“1. Sau mỗi đợt xét công nhận, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản với các trường mầm non chưa

được công nhận đạt chuẩn quốc gia về các điều kiện và từng tiêu chuẩn cụ thể để nhà trường và địa phương có kế hoạch tiếp tục xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia”.

d) Bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Các Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ kiểm tra (Phụ lục kèm theo) và quyết định trường mầm non đạt chuẩn quốc gia về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Mầm non) cùng thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Huỳnh Mai

Phụ lục**MẪU BẢNG CÔNG NHẬN,
BIỂU TRƯNG TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
VÀ HỒ SƠ KIỂM TRA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25/2005/QĐ-BGD&ĐT
ngày 22/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

-
- **Mẫu 1: Bảng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.**
 - **Mẫu 2: Biểu trưng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.**
 - **Mẫu 3: Hồ sơ kiểm tra trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.**

BẰNG CÔNG NHẬN

Quốc huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG CÔNG NHẬN
TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) _____

Công nhận

ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2002 - 2005

_____, ngày tháng năm 200__

TM. UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) _____

Chủ tịch

Số QĐ: _____

- Kích thước, bố cục và màu sắc của bằng được giữ nguyên như bằng của Bộ GD&ĐT.

Mẫu 2

BIỂU TRƯNG TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA



(Giữ nguyên biểu trưng của Bộ GD&ĐT)

Mẫu 3

HỒ SƠ KIỂM TRA
TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
(Hội đồng xét đề nghị cấp huyện (quận, thị xã) và Thẩm định
của cấp tỉnh (thành phố)

I. TÊN TRƯỜNG: _____

II. ĐỊA CHỈ (xã, huyện, tỉnh) _____

III. LOẠI TRƯỜNG (*Công Lập, Dân lập, Bán công, Tư thục*): _____

IV. TIÊU CHUẨN TRƯỜNG (*Nông thôn hay Thành thị*): _____

V. THÀNH TÍCH THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (*ghi rõ thời gian*):

VI. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

*** TIÊU CHUẨN 1 - TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG:**

1. Hiệu lực tổ chức quản lý (*tốt, khá*):

- Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chấp hành sự quản lý của Chính quyền địa phương và công tác tham mưu _____

- Chấp hành sự chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ của các cấp Lãnh đạo Giáo dục và Đào tạo _____

- Lãnh đạo nhà trường hoạt động chuyên môn có nề nếp theo các chương trình chăm sóc giáo dục trẻ của Bộ Giáo dục và Đào tạo _____

- Công tác hành chính. Các loại sổ sách thu chi của trường theo đúng chế độ quy định của Nhà nước _____

- Các hiệu lực quản lý khác:

2. Tổ chức Đảng trong nhà trường (*Số lượng đảng viên, xếp loại chi bộ*):

09635829

3. Các tổ chức đoàn thể hỗ trợ hoạt động của trường:

- Công đoàn:
- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:
- Ban đại diện Phụ huynh
- Tổ chuyên môn nghiệp vụ
- Các Tổ chức Đoàn thể khác: _____

*** TIÊU CHUẨN 2 - ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN CBNV CỦA TRƯỜNG.****1. Ban giám hiệu:**

<i>Chức vụ</i>	Hiệu trưởng	Hiệu phó 1	Hiệu phó 2	Hiệu phó 3
<i>Trình độ</i>				
Trình độ đào tạo				
Trình độ Quản lý				
Phẩm chất đạo đức				
Xếp loại quản lý				

2. Giáo viên và nhân viên:

- Tổng số giáo viên: _____
- Tổng số nhân viên: _____

3. Định biên giáo viên (Có mấy lớp theo các loại dưới đây):

- 2 cô chính / lớp _____
- 1 cô chính, 1 cô phụ / lớp _____
- 1 cô chính, không có cô phụ / lớp _____
- Các hình thức khác _____

4. Trình độ Giáo viên (Tốt nghiệp SP Mầm non + đang học):

- Trên đại học _____
- Đại học _____
- Cao đẳng _____
- Trung cấp _____

(Đạt tỷ lệ trình độ đào tạo GV đạt tiêu chuẩn theo Quy chế: _____ %)

5. Số Giáo viên và CNV đã đạt Danh hiệu thi đua hàng năm:

- Chiến sĩ thi đua _____
- Lao động giỏi cấp tỉnh _____
- Lao động giỏi cấp huyện (Quận, Thị xã) _____

6. Các biện pháp của nhà trường tạo động lực cho giáo viên phấn đấu nâng cao trình độ và hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ:

- Tăng cường phương tiện chăm sóc tốt
- Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho giáo viên
- Môi trường SP, nề nếp, kỷ cương tốt
- Tổ chức tốt các hoạt động chuyên môn
- Đảm bảo đúng định mức trẻ trên lớp
- Các biện pháp khác: _____

*** TIÊU CHUẨN 3 - QUY MÔ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG.**

1. Số lượng nhóm lớp:

a) Nhóm Nhà trẻ chia nhóm độ tuổi theo tháng:

Nhóm	Số nhóm	Số trẻ
6 - 12		
13 - 18		
19 - 24		
25 - 36		
Nhóm ghép		
Cộng:		

b) Lớp Mẫu giáo chia theo tuổi:

Lớp	Số lớp	Số trẻ
MG Bé (Mầm)		
MG Nhỡ (Chồi)		
MG Lớn (Lá)		
Lớp ghép		
Cộng:		

09635829

2. Quy mô của trường:

- Trường tập trung một điểm
- Một điểm chính và các điểm lẻ (Tên các điểm trường)

3. Địa điểm trường:

- Địa điểm trường ở nơi thoáng mát
- Ở khu trung tâm dân cư
- Có đường đi vào thuận tiện

4. Số phòng học đã đạt chuẩn so với tổng số:

- Nhà xây đảm bảo an toàn _____ / _____ phòng
- Sơn vôi màu sáng _____ / _____ phòng
- Phòng có cửa thông thoáng _____ / _____ phòng
- Nền nhà lát gạch men _____ / _____ phòng

5. Các phòng quy định và khu vực phục vụ trẻ đạt tiêu chuẩn:**a) Phòng nhóm nhà trẻ:**

Loại phòng	Phòng riêng hay kết hợp với việc gì ?	Đã đạt chuẩn
1. Phòng đón, trả trẻ.		
2. Phòng chơi tập.		
3. Phòng ngủ.		
4. Phòng ăn (riêng).		

b) Phòng lớp mẫu giáo:

5. Phòng học		
6. Phòng ngủ		
7. Phòng ăn (riêng)		

c) Các phòng chức năng:

8. Phòng Hiệu trưởng		
9. Văn phòng		
10. Phòng Hiệu phó		
11. Phòng HĐÂN		
12. P. Truyền thống		

09635829

13. Phòng Y tế		
14. Phòng Hành chính		
15. Hội trường		
16. Số nhóm, lớp có hành lang, hiên chơi.	- <i>Hiên trước</i> :..... - <i>Hiên sau</i> : - <i>Cả hiên trước và sau</i> : - <i>Hiên xung quanh</i> :	

d) Các phòng khác:

16.		
17.		
18.		

- Sân chơi: _____ m², Tỷ lệ _____ m² / _____ trẻ.

- Tường bao quanh (*Làm bằng nguyên vật liệu gì?*):

+ Tại điểm chính _____

+ Tại các điểm lẻ _____

- Khu vệ sinh (*Số phòng khép kín / tổng số phòng*) _____ / _____

- Khu bếp (*Xây dựng theo quy cách?*): _____

- VAC (*Vườn, ao, chuồng*): _____

- Các công trình khác?

09635829

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

*** TIÊU CHUẨN 4 - CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ.**

1. Chỉ số đạt được trên trẻ:

- Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần (%): _____

- Trẻ cân nặng Kênh A: Số lượng _____, tỷ lệ đạt _____ %

- Trẻ đạt "Bé khỏe, bé ngoan": Số lượng _____, tỷ lệ đạt): _____ %

- Mức ăn của trẻ: Số tiền _____ đ / ngày, Số bữa: _____ chính _____ phụ

2. Quan sát, nhận xét, đánh giá "chăm sóc giáo dục" 1 ngày ở trường:

3. Dự 1 đến 2 giờ dạy để làm căn cứ tham khảo đánh giá hoạt động học (Ghi tên giáo viên dạy, thực hiện chương trình nào? Theo độ tuổi? Việc vận dụng các phương pháp giáo dục của cô, đồ dùng đồ chơi. Kết quả dạy và nhận thức của trẻ...):

*** TIÊU CHUẨN 5 - CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC.**

1. Nhà trường đã thực sự là nòng cốt trong việc tham mưu với các cấp Ủy Đảng và Chính quyền địa phương (Nêu kết quả cụ thể):

2. Các hoạt động của gia đình và cộng đồng xây dựng môi trường giáo dục gia đình - Nhà trường - Xã hội (Kết quả đã đạt được):

3. Sự tham gia tích cực của Chính quyền địa phương, các đoàn thể và cộng đồng vào việc chăm sóc giáo dục trẻ. Cụ thể như sau:

a) Đóng góp xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

b) Các mức đang thu học phí (Tính theo tháng):

c) Mức hưởng lương của GV Bán công và Hợp đồng:

- Mức lương bình quân được hưởng _____ đ/tháng/GV

- Nguồn kinh phí trả lương

- + *Ngân sách*
- + *Thu học phí 100%*
- + *Thu học phí + Ngân sách hỗ trợ*
- + *Thu học phí + ngân sách địa phương*
- + *Các nguồn khác:*

d) Các mức đóng tiền ăn của trẻ (Tinh theo ngày):

VII. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:

1. Những khó khăn trường đã vượt qua để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

2. Đề nghị của Hội đồng kiểm tra:

Ngày..... tháng..... năm 200....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CẤP HUYỆN
(Ghi chức vụ, ký tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG MẦM NON
(Ký tên, đóng dấu)

096.5829

ĐÁNH GIÁ THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG CẤP TỈNH

.....ngày..... tháng..... năm 200.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CẤP TỈNH

(Chức vụ, ký tên đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng